

**KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG TẬP THỂ CÁC ĐƠN VỊ THUỘC, TRỰC THUỘC  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-ĐHTTr ngày        /        /2024 của Trường Đại học Tân Trào)

| Stt       | Đơn vị                                | Kết quả xếp loại chất lượng tập thể đơn vị và tập thể lãnh đạo đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Tân Trào |       |      |       | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------|-------|---------|
|           |                                       | HTXSNV                                                                                                          | HTTNV | HTNV | KHTNV |         |
| 1         | Văn phòng                             |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 2         | Phòng Đào tạo                         | x                                                                                                               |       |      |       |         |
| 3         | Phòng Quản lý chất lượng và Thanh tra | x                                                                                                               |       |      |       |         |
| 4         | Phòng Quản lý sinh viên               |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 5         | Phòng Kế hoạch - Tài vụ               |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 6         | Phòng Quản lý khoa học và HTQT        |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 7         | Khoa Chính trị và Tâm lý - Giáo dục   |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 8         | Khoa Văn hóa - Du lịch                |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 9         | Khoa Sư phạm                          |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 10        | Khoa Y - Dược                         |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 11        | Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh   |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 12        | Khoa Nông - Lâm - Ngư nghiệp          |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 13        | Trung tâm TH - NN - TV và PTNN        | x                                                                                                               |       |      |       |         |
| 14        | Trung tâm Thể dục - Thể thao          |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 15        | Trung tâm Thực nghiệm và và CGCN      |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| 16        | Trường Phổ Thông Tuyên Quang          |                                                                                                                 | x     |      |       |         |
| Tổng cộng |                                       | 3                                                                                                               | 13    | 0    | 0     |         |
| Tỷ lệ     |                                       | 18,8                                                                                                            | 81,3  | 0,0  | 0,0   |         |